SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL



Light

LINA OB

Thanh l iản dịch **và** g

Giày LINA có đế chư ố ợ SR, k khả năng ch ố n g tĩnh điệ n ESD, đế giày có th i và thoáng trên thoáng khí, đư ợc ch ế o nhiều ngành công n ghiệ p khác nhau.

Những vật liệu cao cấp hơn	Lorica
ót bên trong i tái chế	lưới
rong Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)	
ngoài Đ	Phylon/cao su
i Loạ	OB / SR, HRO, A, E, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-42 / UK 3.0-8.0 / US 5.5-10.5 JPN 21.5-26.5 / KOR 230-270
ng lượng thép	0.240 kg
ẩn hiêu chu	EN ISO 20347:2022+A1:2024 ASTM F2892:2024



WHT



LBL



FUC



LGN



LLC



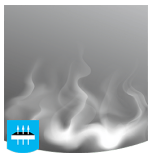
MUL



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn chặn bắt lửa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



ường **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng lót giày thường xuyên hơn để sử dụng lót giày chỉnh hình riêng của bạn một cách thoải



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ cơ thể thoải lâu hơn.



SRC
rước là một trong những tính năng quan và giày bảo hộ thông qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



Tay cầm **Oxy / Tay** cầm **SJ**
ế ngoài bằng cao su Oxytraction trên cả sàn ướt và SRC (SRA+ SRB).

Công nghiệp **n:**
thuộc v về **y** h ọ c , phục vụ **ăn** uố ạnh g, **l**àm sốcupốẩm &gĐ

ường: **Môi** t
rư ờn **m**ộikhô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phải cách phù hằm hiệ **K**hông trên lò

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g u q
	Những vật l iệu **Lorica** **cao** cấp h ơn		
	Top: khả năng thấm ẩm ớch ơ	? 0.8	1.9 ờ mg/cm/g
	Top: h nụ ố ơ	? 15	17.8 mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ớ		
	L ớp lót: thấm ẩm ớch ơ	? 2	86.31 ờ mg/cm/g
	lót: h nụ ố ơ	? 20	691 mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)		
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài	Đ **Phlon/cao su**		
	Ch ố ả ng trượt mài mòn ế ngoài (	? 150	139 mm
	Chư ố ợt c ợt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt **g**ót v ề phía t	? 0.31	0.42 ma sát
	rư Cột ố ợt bằng G ố m + NaLS - Trư ợt **l**ùi v ề phía t	? 0.36	0.42 ma sát
	rư Cột SR ợt G ố m + Glycerin - Trư ợt **g**ót phía t	? 0.19	0.33 ma sát
	Chư ố ợt SR ợt G ố m + Glycerin - Trư ợt **g**ót v ề phía t	? 0.22	0.35 ma sát
	rị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	32.7 megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	54 megaohm
	Hấp thụ năng l ợ **g**ót chân ủ	? 20	27 J

kích thước thép: 38

a chúng tôi Safety Jogger có l ế thay ế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không ợ sao chép ới dạng nào mà không é bằng văn ủ

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g u q
i **CO2 hát** thả		
	V ật l iệu	2.10 kg
	Bao bì	0.10 kg
	ất Sản x u	1.90 kg
	Chuyên ch ở	0.26 kg
		4.36 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t K u q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế	
	Product	16%
	Bao bì	99%

Tính toán CO2:
rị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com